

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học,  
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2020 -2021

### G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
|-----|-----------------------------|----------|------------------|----------------------|-----------------|
| 1   |                             |          |                  |                      |                 |

### H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học                                           | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức                                         | Số lượng đại biểu tham dự |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Hội thảo quốc tế Hoá học và Ứng dụng năm 2020                                    | 24/7/2020         | Cơ sở chính - Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh | 300                       |
| 2   | Hội thảo Sinh viên nghiên cứu khoa học Khoa Quản trị kinh doanh lần 2 - năm 2020 | 12/7/2018         | Cơ sở chính - Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh | 400                       |

### I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                        | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ứng dụng công nghệ in 3D FDM vào chế tạo khuôn trong kỹ thuật nhiệt định hình | Nguyễn Khoa Triều               |                               | 12 tháng            | 89.642.000         | - Thiết bị nhiệt định hình.<br>- Khuôn bằng nhựa<br>- Tập bản vẽ. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                       | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                              |                                 |                               |                     |                    | - 01 bài báo IUH và 01 bài báo SCOPUS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2   | Thiết kế chế tạo mô hình vật lý trị liệu hỗ trợ cho khuỷu tay                                                                | Lê Thanh Danh                   |                               | 12 tháng            | 99.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình vật lý trị liệu hỗ trợ cho khuỷu tay.</li> <li>- Tập bản vẽ.</li> <li>- 01 bài báo ISI.</li> <li>- 01 bài báo hội nghị quốc tế.</li> <li>- 01 học viên cao học bảo vệ thành công</li> </ul>                                                                                                                               |
| 3   | Thiết kế và chế tạo thiết bị gia công tinh bề mặt ứng dụng lưu chất từ biến                                                  | Nguyễn Trường Giang             |                               | 12 tháng            | 95.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị gia công: Tốc độ quay trục chính: 100-300 vòng/phút; Dòng điện cấp cho lưu chất từ biến: 1 - 3 (A)</li> <li>- Chi tiết gia công: Kích thước chi tiết gia công: Ø50 – Ø100 mm; Độ nhám bề mặt đạt được: <math>\leq 0.1\mu\text{m}</math></li> <li>- Tập bản vẽ.</li> <li>- 01 bài báo IUH và 01 bài báo SCOPUS</li> </ul> |
| 4   | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thử nghiệm máy in lụa tự động kiểu mới ứng dụng cho các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ ở Việt Nam | Ao Hùng Linh                    |                               | 12 tháng            | 80.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một máy in lụa thử nghiệm kiểu mới năng suất 850 sp/h</li> <li>- Tập bản vẽ.</li> <li>- File mô phỏng</li> <li>- 01 bài báo Scopus</li> </ul>                                                                                                                                                                                     |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                                     | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5   | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thử nghiệm thiết bị tay gấp robot mềm ứng dụng trong dây chuyền đóng gói khay com phần tại các khu Công nghiệp ở Việt Nam. | Trần Trọng Nhân                 |                               | 12 tháng            | 80.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 thiết bị tay gấp robot mềm năng suất 1000 sp/ngày.</li> <li>- File mô phỏng.</li> <li>- 01 bài báo Scopus.</li> </ul>                                                                                                                                                                |
| 6   | Nghiên cứu, tính toán, thiết kế, chế tạo máy cắt cỏ chuyên dùng chăm sóc vườn cây ăn trái                                                                  | Trần Ngọc Thoại                 |                               | 10 tháng            | 96.785.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 máy cắt cỏ chăm sóc cho các vườn cây ăn trái: năng suất 0.15 ha/h (giao cho Viện NCKH &amp; Chuyển Giao CN để triển lãm và chào hàng bán mang thương hiệu IUH)</li> <li>- Tập bản vẽ.</li> <li>- Quy trình công nghệ chế tạo</li> <li>- 01 bài báo Scopus</li> </ul>                 |
| 7   | Đánh giá sự phù hợp và mức độ chính xác của phương pháp thúc đẩy ăn mòn cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép bằng dòng điện                             | Nguyễn Thị Hải Yên              |                               | 12 tháng            | 60.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo với nội dung về mức độ chính xác của phương pháp thúc đẩy ăn mòn cốt thép trong kết cấu BTCT bằng dòng điện</li> <li>- Bài báo trong Tạp chí Khoa học thuộc danh mục Scopus</li> <li>- Bài báo trong Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công Nghiệp TP.HCM</li> </ul> |
| 8   | Đánh giá hiệu suất kháng cắt của dầm bê tông cốt thép được sửa chữa sau ăn mòn bằng bê tông sợi trong vùng uốn                                             | Bùi Văn Hồng Lĩnh               |                               | 12 tháng            | 70.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thuyết minh đề tài trình bày chi tiết phương pháp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                     | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                            |                                 |                               |                     |                    | sửa chữa dầm ăn mòn bằng SFRC.<br><br>- Bài báo: 1 bài trên Tạp chí trong danh mục ISI và 2 bài trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ, IUH.                      |
| 9   | Phân tích cơ kết nền đất yếu có gia cố bắc thăm xét đến độ cản thấm dựa vào lý thuyết biến dạng lớn        | Nguyễn Bá Phú                   |                               | 12 tháng            | 50.000.000         | - 1 bài báo đăng trên Scopus, 1 bài báo đăng trên IUH.<br><br>- Sản phẩm giáo dục: phục vụ cho một sinh viên thực hiện viết đồ án tốt nghiệp.                 |
| 10  | Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều dài và độ xòe áo đầm công sở tới đánh giá của người dùng                    | Nguyễn Thị Mỹ Chiên             |                               | 12 tháng            | 21.500.000         | - Mẫu sản phẩm thực nghiệm áo đầm công sở, đạt yêu cầu kỹ thuật về thông số, chất liệu<br>- 01 bài báo IUH                                                    |
| 11  | Nghiên cứu ảnh hưởng của đặc tính bề mặt vải tới lượng vải tiêu hao cho áo sơ mi nam trong may công nghiệp | Hà Thị Hiền                     |                               | 12 tháng            | 15.000.000         | - Phụ lục bảng thống kê lượng vải tiêu hao phù hợp với chu kỳ sọc và khổ rộng vải may áo sơ mi tay dài trong may công nghiệp<br>- Mẫu vải<br>- 01 bài báo IUH |
| 12  | Nghiên cứu sản xuất xơ từ lá khóm làm nguyên liệu cho sản xuất sợi khóm pha trên dây chuyền kéo sợi bông   | Nguyễn Ngọc Xuân Hoa            |                               | 12 tháng            | 45.000.000         | - Vật liệu Xơ khóm dùng trong ngành dệt may<br>- Vật liệu Sợi pha<br>- Quy trình phân tách lá khóm tạo xơ                                                     |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                        | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                               |                                 |                               |                     |                    | - 1 bài báo Scopus                                                                                                                                                                                                    |
| 13  | Nghiên cứu xây dựng hệ thống cỡ số quần áo đồng phục sinh viên nữ trường Đại Học Công Nghiệp TPHCM                                            | Phạm Thị Cúc                    |                               | 12 tháng            | 15.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu sản phẩm triển khai áp dụng thử nghiên cứu</li> <li>- Thiết kế rập tất cả các cỡ</li> <li>- Bảng hệ thống cỡ số sinh viên nữ</li> </ul> 1 bài báo IUH                    |
| 14  | Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ pha đến một số tính chất cơ lý của vải lông cừu pha xơ sợi tổng hợp ứng dụng ngành may                         | SV Nguyễn Chí Thanh             |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Mẫu vải lông cừu dệt thoi phổ biến trong may mặc với các tỷ lệ pha khác nhau                                                                                                                                          |
| 15  | Nghiên cứu thành phần cấu tạo và tính chất cơ lý của các loại vải ứng dụng cho quần tây nam                                                   | SV Lê Thị Bích Tuyền            |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng mẫu vải dùng may quần tây nam</li> <li>- Mẫu quần tây nam</li> </ul>                                                                                                    |
| 16  | Nâng cao năng lực tự học của sinh viên trường Đại học Công nghiệp TP.HCM trong xu thế hội nhập                                                | Đỗ Thị Thanh Huyền              |                               | 12 tháng            | 20.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Bản kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học của SV IUH</li> <li>-01 bài báo đăng Tạp chí IUH</li> <li>-Tư liệu giảng dạy môn Quản trị Nguồn nhân lực</li> </ul> |
| 17  | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng và lòng trung thành khách hàng đối với chuỗi cửa hàng tiện lợi tại TP. Hồ Chí Minh | Đàm Trí Cường                   |                               | 12 tháng            | 20.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của ĐTKH</li> </ul>                                                                                                                      |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                                            | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                   |                                 |                               |                     |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH</li> <li>- Tư liệu giảng dạy môn Marketing khách hàng, Quản trị doanh nghiệp và là tài liệu tham khảo cho các DN</li> </ul>                                            |
| 18  | Xây dựng thẻ điểm phát triển bền vững cho trường Đại học Công nghiệp TP.HCM                                                                                       | Trần Ngọc Hùng                  |                               | 12 tháng            | 25.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của ĐTKH</li> <li>- Minh họa cách tính một số thước đo đã được xây dựng cho IUH năm 2019</li> <li>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH</li> </ul>                     |
| 19  | Thực trạng và biện pháp phát triển kỹ năng tự học của sinh viên ngành Thương mại Điện tử, trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh trong thời kỳ công nghiệp 4.0 | Lê Thị Thương                   |                               | 12 tháng            | 20.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của ĐTKH</li> <li>- Bảng kết quả khảo sát và phân tích dữ liệu đánh giá kỹ năng tự học của SV ngành TMĐT IUH</li> <li>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH</li> </ul> |
| 20  | Nghiên cứu thiết kế sản phẩm du lịch tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang                                                                                              | Võ Thị Thu Thủy                 |                               | 24 tháng            | 20.000.000         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sản phẩm tour du lịch cho huyện Tri Tôn</li> <li>- Tài liệu giảng dạy</li> <li>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH</li> </ul>                                                                        |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                               | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21  | Hoạt động mua bán nhà ở hình thành trong tương lai theo pháp luật Việt Nam                                                           | Trần Thị Ngọc Hết               |                               | 12 tháng            | 20.000.000         | - Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của ĐTKH<br>- Tài liệu giảng dạy “Pháp luật về nhà ở của VN”<br>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH                      |
| 22  | Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường internet tại Việt Nam                                                                          | Lê Thị Hồng Liễu                |                               | 12 tháng            | 20.000.000         | - Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của ĐTKH<br>- Tài liệu giảng dạy “Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường internet”<br>- 01 bài báo đăng Tạp chí IUH |
| 23  | Tổng hợp vật liệu hấp phụ khung cơ- kim (MOFs) trên nền polymer ứng dụng tách loại hợp chất màu trong nước thải                      | Cao Xuân Thắng                  |                               | 12 tháng            | 50.000.000         | Bài báo ISI                                                                                                                                              |
| 24  | Nghiên cứu ứng dụng nano graphene oxide phát triển phương pháp xác định enzyme O6-methylguanine-DNA methyltransferase                | Lê Đình Vũ                      |                               | 12 tháng            | 50.000.000         | Bài báo ISI                                                                                                                                              |
| 25  | Tổng hợp xanh một số aminophosphate mới dựa trên carbazole và hoạt tính kháng tế bào ung thư                                         | Trần Nguyễn Minh Ân             |                               | 12 tháng            | 50.000.000         | Bài báo ISI                                                                                                                                              |
| 26  | Nghiên cứu sự phân hủy ethanol trong dung dịch bằng cách sử dụng hợp chất composite cellulose - nickel cho phản ứng xúc tác điện hóa | Trần Thảo Quỳnh Ngân            |                               | 12 tháng            | 25.000.000         | Bài báo IUH                                                                                                                                              |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                         | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 27  | Thiết kế thiết bị tuyển nổi bằng vi bọt khí dùng phân loại chất thải nhựa ứng dụng trong tái chế nhựa                          | Nguyễn Thị Thanh Trúc           |                               | 12 tháng            | 25.000.000         | Bài báo IUH                          |
| 28  | Khảo sát khả năng kháng nấm và bảo quản trái dâu tây bằng kỹ thuật bao màng khi bổ sung calcium gluconate vào chitosan         | Nguyễn Đức Vượng                |                               | 12 tháng            | 25.000.000         | Bài báo IUH                          |
| 29  | Khảo sát điều kiện sinh tổng hợp Bacteriocin của <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> .                                           | Võ Thị Cẩm Giang                |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 30  | Nghiên cứu chế biến nước quả giác đóng chai                                                                                    | Hồ Thị Bích Thi                 |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 31  | Phân lập các chủng nấm men sinh tổng hợp Glutathione                                                                           | Trần Ngọc Huỳnh Giao            |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 32  | Phân lập và nuôi cấy <i>Scenedemus</i> sp. trên hệ thống màng hai lớp Bacterial Cellulose (BC)                                 | Nguyễn Quý Quym                 |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 33  | Phát triển sản phẩm kem tươi không trứng/bơ/sữa từ dịch nấu đậu ván, gel nha đam và xanthan gum                                | Néang Rót Sa Thia               |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 34  | Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất bột hầu                                                                                 | Phạm Hồ Nhật Phương             |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 35  | Tối ưu hóa quá trình thu nhận dịch chiết nấm <i>Thuringia</i> (Phellinus igniarius). Ứng dụng sản xuất đồ uống bổ trợ sức khỏe | Lê Ngọc Anh                     |                               | 12 tháng            | 5.000.000          | Báo cáo tổng kết                     |
| 36  | Cải tiến hiệu suất của thuật toán khai thác mẫu tuần tự với ràng buộc trọng số/ khai thác Top-K mẫu tuần tự                    | Phạm Thị Thiết                  |                               | 12 tháng            | 40.000.000         | 01 Bài báo Scopus                    |
| 37  | Xây dựng mô hình lai ghép để dự báo trên chuỗi thời gian ngắn hạn                                                              | Phạm Văn Chung                  |                               | 10 tháng            | 25.000.000         | 01 Bài báo Scopus                    |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                                                                     | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn                                                                             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 38  | Phân tích hiện tượng cộng hưởng dưới đồng bộ và đề xuất những giải pháp ngăn ngừa                                                                                                          | Lê Văn Đại                      |                               | 12 tháng            | 35.000.000         | 01 Bài báo Scopus                                                                                                |
| 39  | Tối ưu cấu trúc vận hành lưới điện phân phối                                                                                                                                               | Dương Thanh Long                |                               | 12 tháng            | 35.000.000         | 01 Bài báo Scopus                                                                                                |
| 40  | Tự động hóa máy cắt da giày-Hệ thống cắt da tự động                                                                                                                                        | Nguyễn Thành Phúc               |                               | 12 tháng            | 184.000.000        | Hệ thống cắt da tự động đang cho phòng X5.11 Khoa công nghệ điện                                                 |
| 41  | Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố phân cứng không hoàn hảo trên mạng chuyển tiếp có thu hoạch năng lượng vô tuyến và hạn chế công suất phát.                                                 | Phạm Minh Nam                   |                               | 12 tháng            | 45.000.000         | - 01 Bài báo ISI<br>- Phần mềm mô phỏng                                                                          |
| 42  | Nghiên cứu công nghệ mạng NB-IoT, ứng dụng thiết kế trạm quan trắc chất lượng không khí di động                                                                                            | Trần Quý Hữu                    |                               | 10 tháng            | 35.000.000         | 01 Bài báo Scopus                                                                                                |
| 43  | Điều khiển hòa lưới 1 pha năng lượng mặt trời                                                                                                                                              | Huỳnh Khánh Khải                |                               | 6 tháng             | 10.000.000         | - Bộ hòa lưới tối ưu năng lượng mặt trời 1 pha (MPPT grid tie 1 phase solar inverter)<br>- Chương trình mô phỏng |
| 44  | Nghiên cứu và tối ưu tính chất cấu trúc, quang và điện của màng bán dẫn loại p SnO2 pha tạp đơn nguyên tố và đồng pha tạp hai nguyên tố: hướng đến khảo sát thử nghiệm hiệu ứng quang điện | Đặng Hữu Phúc                   |                               | 24 tháng            | 821.000.000        |                                                                                                                  |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                                           | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 45  | Điều khiển tối ưu hợp tác phân tán bầy sự kiện cho đa hệ cơ khí phi holonom tự hành kết nối vật lý và ràng buộc ngõ vào                                          | Nguyễn Tấn Lũy                  |                               | 24 tháng            | 684.000.000        |                                      |
| 46  | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình bù tích cực ba pha công suất 5kW để lọc hài cho tải phi tuyến                                                            | Châu Minh Thuyên                |                               | 12 tháng            | 200.000.000        |                                      |
| 47  | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình thực nghiệm bộ điều khiển phân tán thông minh phòng sinh học cho hệ thống cơ khí phi holonom tự hành có ràng buộc ngõ vào | Nguyễn Tấn Lũy                  |                               | 12 tháng            | 160.000.000        |                                      |
| 48  | Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng và cơ chế của than sinh học nhằm hạn chế phát thải khí methane và nâng cao năng suất lúa trên đất ngập nước                        | Nguyễn Thanh Bình               |                               | 36 tháng            | 746.000.000        |                                      |
| 49  | Nghiên cứu cơ chế và tiềm năng cải tạo mặn của đất nông nghiệp bằng than sinh học sản xuất từ các phụ phẩm nông nghiệp                                           | Nguyễn Thanh Bình               |                               | 36 tháng            | 1.338.000.000      |                                      |
| 50  | Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng                                                                               | Huỳnh Trung Hiếu                |                               | 18 tháng            | 6.109.000.000      |                                      |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                                                                                                     | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 51  | Ứng dụng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Long An                                                                                       | Huỳnh Trung Hiếu                |                               | 18 tháng            | 320.000.000        |                                      |
| 52  | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khí hóa để xử lý rác thải rắn trong sản xuất công nghiệp - chế biến tạo năng lượng phục vụ cho quá trình sấy và bảo quản nông sản, thực phẩm | Bùi Trung Thành                 |                               | 12 tháng            | 250.000.000        |                                      |
| 53  | Nghiên cứu, thiết kế chế tạo thiết bị sấy rau, củ, quả bằng năng lượng mặt trời theo công nghệ sấy hiệu ứng nhà kính và điều khiển thông minh                              | Nguyễn Trung Kiên               |                               | 12 tháng            | 500.000.000        |                                      |



**K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục**

| STT | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/Công nhận              | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/Công nhận |             |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-------------|
|     |                                                 |                          |                                         |                                |                                             | Ngày cấp                  | Giá trị đến |
| 1   | Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM               | 8-12/03/2016             | Đạt chuẩn chất lượng cấp cơ sở giáo dục | Số 04/NQ-HĐKĐCLGD              | Đạt                                         | 12/9/2016                 | 12/9/2021   |
| 2   | Công nghệ kỹ thuật điện tử.                     | 5 - 7/6/2018             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/7/2018                  | 7/7/2023    |
| 3   | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông        | 5 - 7/6/2018             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/7/2018                  | 7/7/2023    |
| 4   | Công nghệ kỹ thuật Hóa học                      | 5 - 7/6/2018             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/7/2018                  | 7/7/2023    |
| 5   | Công nghệ kỹ thuật môi trường                   | 5 - 7/6/2018             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/7/2018                  | 7/7/2023    |
| 6   | Quản trị kinh doanh                             | 6 - 8/8/2019             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/9/2019                  | 7/9/2024    |
| 7   | Công nghệ kỹ thuật ô tô                         | 6 - 8/8/2019             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/9/2019                  | 7/9/2024    |
| 8   | Kế toán                                         | 6 - 8/8/2019             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/9/2019                  | 7/9/2024    |
| 9   | Ngôn ngữ Anh                                    | 6 - 8/8/2019             | Đạt chuẩn AUN-QA                        |                                | Đạt                                         | 8/9/2019                  | 7/9/2024    |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

TS. PHAN HỒNG HẢI